

Số: 28/2022/BC-SĐ5-KHCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
A	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	10 ⁹ đ	1.222,00	2.106,84	172%
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁹ đ	1.209,00	1.860,65	154%
-	Các dự án đã có hợp đồng xây lắp	10 ⁹ đ	1.059,00	1.596,20	151%
-	Các dự án dự kiến sẽ ký hợp đồng	10 ⁹ đ	150,00	264,45	176%
2	Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác	10 ⁹ đ	13,00	246,19	1894%
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
I	Doanh số bán hàng (1+2)	10 ⁹ đ	1.062,53	2.275,50	214%
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	1.020,00	2.201,56	216%
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	42,53	73,94	174%
II	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	37,00	31,32	85%
2	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	29,60	21,57	73%
3	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,63%	1,42%	39%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	11,39%	8,29%	73%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,09%	4,51%	74%
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân	%	2,56%	1,85%	72%
4	Tỷ lệ lãi cố tức dự kiến	%	11%	7,5%	68%
III	Các khoản nộp Nhà nước				
1	Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)	10 ⁹ đ	43,16	38,89	90%
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	25,99	23,79	92%
-	Thuế GTGT phải nộp	10 ⁹ đ	12,00	12,30	102%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	7,40	9,76	132%
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ		0,06	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	6,59	1,68	25%

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
-	Thuế khác	10 ⁹ đ		0,003	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	17,17	15,09	88%
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	10 ⁹ đ	17,17	15,09	88%
2	Các khoản đã nộp Nhà nước	10⁹đ	43,16	32,71	76%
a	Các khoản nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	25,99	17,62	68%
-	Thuế GTGT	10 ⁹ đ	12,00	12,30	102%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	7,40	3,58	48%
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ		0,06	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	6,59	1,68	25%
-	Thuế khác	10 ⁹ đ		0,003	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	17,17	15,09	88%
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10 ⁹ đ	17,17	15,09	88%
IV	Tiền lương và thu nhập				
1	CBCNV bình quân	người	900,00	943,00	105%
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	149,65	154,58	103%
3	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ	6,15	1,10	18%
4	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,86	13,67	99%
5	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	14,43	13,76	95%
V	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ				
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10 ⁹ đ	236,90	202,28	85%
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	31,20	32,27	103%
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	13,17%	15,95%	121%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ đ	1.171,45	1.171,45	100%
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	1.140,40	1.153,92	101%
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	67,84	80,29	118%
VI	Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ	10⁹đ	399,88	362,45	91%
1	Vay ngắn hạn	10 ⁹ đ	380,00	333,38	88%
2	Vay trung và dài hạn	10 ⁹ đ	19,88	29,07	146%
VII	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10⁹đ	486,38	478,35	98%
1	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	259,99	259,99	100%
-	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ đ	166,82	166,82	100%
2	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ đ	143,06	143,06	100%
3	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ đ	43,13	43,13	100%
4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 ⁹ đ			
5	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ đ	10,60	10,60	100%
6	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁹ đ	29,60	21,57	73%
7	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10 ⁹ đ			
VIII	Tổng tài sản cuối kỳ	10⁹đ	1.605,97	1.475,51	92%
IX	Nợ phải trả cuối kỳ	10⁹đ	1.147,85	997,16	87%

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	4,41	3,84	87%
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,36	2,08	88%
X	Đầu tư tài chính cuối kỳ				
C	KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH				
1	Phần đào đắp				
-	Tổng khối lượng đào đất	m3	1.654.278	2.781.039	168%
-	Tổng khối lượng đào đá	m3	940.772	929.240	99%
2	Phần xây lắp				
-	Tổng khối lượng bê tông CVC	m3	102.450	105.803	103%
-	Tổng khối lượng cốt thép KC	tấn	2.837	3.824	135%
D	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ				
1	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	10 ⁹ đ	25,00	38,52	154%

II. Đánh giá chung về thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2021:

1. Chỉ tiêu doanh thu, sản lượng:

Chỉ tiêu doanh thu và sản lượng năm 2021 đều vượt kế hoạch, cụ thể:

- Sản lượng: 2.106,84 tỷ/KH 1.222 tỷ đạt tỷ lệ 172% kế hoạch.
- Doanh thu: 2.201,56 tỷ/KH 1.020 tỷ đạt 216% kế hoạch.

Nguyên nhân:

(i) Hầu hết các dự án chuyển tiếp từ năm 2020 đều vượt kế hoạch do phát sinh khối lượng theo các hợp đồng đã ký, đặc biệt là Dự án thủy điện Nam Emoun (đạt 156%) và Cụm dự án Điện gió Liên Lập – Phong Huy – Phong Nguyên do PCC1 là Chủ đầu tư (133%). Riêng dự án Sông Chò, khối lượng không đạt kế hoạch do Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng (đạt 15%, tuy nhiên sản lượng kế hoạch không lớn).

(ii) Ngoài ra, Công ty đã tìm kiếm và mở rộng thêm được thị trường điện gió tại Quảng Trị là Dự án điện gió Hoàng Hải do Công ty TNHH MTV ĐT Năng lượng Quảng Trị là Chủ đầu tư; đồng thời đã tận dụng và phát huy được uy tín của Sông Đà 5 để tiếp tục nhận thêm các gói thầu giai đoạn Dự án thép Hòa Phát.

2. Về chỉ tiêu lợi nhuận:

- Lợi nhuận trước thuế: 31,32 tỷ/KH 37 tỷ đạt 85% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 21,57 tỷ/KH 29,6 tỷ đạt 73% kế hoạch.

Nguyên nhân:

(i) Trích trước công nợ phải thu đòi Công trình Thủy điện Nam Thuen 1 (0,7 tỷ đồng);

(ii) Quyết toán âm Công trình TĐ Sơn La (3,27 tỷ đồng);

(iii) Ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên giá thép năm 2021 có sự biến động lớn (tăng khoảng 6%) so với năm 2020 làm phát sinh chi phí vật liệu chính tại Dự án Nam Emoun và Điện Gió khoảng 6,51 tỷ đồng (Trong đó: Nam Emoun 3,2 tỷ đồng, Điện gió (Liên Lập Phong Huy, Phong Nguyên): 2,12 tỷ đồng, Điện gió Hoàng Hải: 1,19 tỷ đồng).

3. Mục tiêu các mốc tiến độ chính các dự án:

3.1 Dự án Thủy điện Nam Emoun:

** Công trình chính:*

- Đập chuyển dòng:

+ Công tác bê tông: Hoàn thành các hạng mục: tràn khản cấp; bể khử cát; kênh dẫn; cửa lấy nước; cầu giao thông đập tràn; đang thi công bê tông cửa lấy nước kết nối vào hầm T1 đạt CD 780m, nhà điều hành đập.

+ Công tác đào, đắp: Hoàn thành công tác tháo dỡ đê quây giai đoạn 2 và đắp đê quây phục vụ lắp cửa van cung khoang 1.

- Đập chính:

+ Công tác bê tông: Hoàn thành hạng mục: đập tràn; bể khử cát, kênh dẫn; đang thi công bê tông tràn xả thừa, nhà điều hành đập.

+ Công tác đào, đắp: Thi công đắp trả phạm vi kênh dẫn và bể khử cát; Hoàn thành công tác tháo dỡ đê quai giai đoạn 2 & đắp đê quây phục vụ lắp van cung khoang số 1.

- Nhà máy: Thi công bê tông giai đoạn 2 tổ máy đến CD 359.5m; Hoàn thành bê tông hành lang cấp, nhà điều hành; Thi công bê tông trạm biến áp.

- Đường ống áp lực TB1: Hoàn thành bê tông giai đoạn 2 block 7, 8; Thi công bê tông block 1.

- Hạng mục hầm hở: Thi công đào đất đá hầm hở Adit 1; Hoàn thành đào hố móng, triển khai thi công bê tông mố cầu đường ống Adit 2; Thi công đào đất đá hầm hở Adit 3.

- Phân hầm:

+ Tuyến hầm T1: Công tác đổ bê tông nền tuyến hầm T1: 5.700m (Cửa hầm HPA-P1: 123m (Còn lại đoạn nối cửa lấy nước từ Đập chuyển dòng); Cửa hầm P2-P3: 1.704m; Cửa hầm P3-P2: 1.608m; Cửa hầm P4-P5: 943m (Kết thúc); Cửa hầm P5-P4: 741m (Kết thúc); Cửa hầm D-Ngã ba: 581m (Kết thúc).

+ Tuyến hầm T2: Công tác đổ bê tông nền tuyến hầm T2: 1864m (Cửa hầm B-ngã 3: 1532m (Kết thúc); Ngã 3-cửa hầm B: 332m (Kết thúc); Tuyến hầm T3: Công tác đổ bê tông nền tuyến hầm T3: 1.418m; Cửa hầm C- ngã 3: 840m (Kết thúc); Ngã 3-cửa hầm C: 578m (Kết thúc);

- Bê tông chèn đường ống T4: Thi công đổ bê tông chèn đường ống T4: 388m (Kết thúc).

- Bê tông chèn ống Bẫy đá - P7: Hoàn thành.

- Giếng bậc thang (Đập chính): Hoàn thành đào mở rộng giếng bậc thang; Chuẩn bị thi công bê tông.

- Tháp điều áp: Hoàn thành bê tông tháp điều áp phạm vi ngầm; Chuẩn bị thi công bê tông phạm vi hở.

** Phần cơ khí thủy công:*

- Chế tạo: Công tác gia công chế tạo đáp ứng theo tiến độ lắp đặt công trường;

- Lắp đặt: Hoàn thành lắp đặt khe van, cửa van cung khoảng 1 đập chuyển dòng và đập chính; khe van, kết cấu cửa cửa van sửa chữa và cửa van trượt cửa nhận nước Bể khử cát; Các thiết bị dòng chảy môi trường (lưới chắn rác, van công tác,...); Cửa van hạ lưu nhà máy; Đường ống hở TB1; Đường ống thép T4 ống thép từ giếng 1:-P8 và ống thép từ bãi đá đến P7 đoạn chuyển tiếp trong hầm đường ống hở Adit 2+3.

3.2 Dự án Hồ chứa nước Bản Lải – Lạng Sơn:

Hoàn thành toàn bộ công tác thi công chính đang thực hiện công tác sửa chữa các khuyết tật bê tông các hạng mục để bàn giao cho CĐT.

3.3 Dự án Nhà Máy thép Hòa Phát - Dung Quất (giai đoạn 2):

- Các hạng mục thi công đào đắp, vận chuyển:

+ Khu đồi Đông Lỗ: Tạm dừng chờ theo dõi CĐT hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng.

+ Khu hành chính: Thi công vận chuyển đất đá dư thừa đảm bảo an toàn và tiến độ; sẵn sàng lập kế hoạch xe máy thiết bị cho các khu vực được CĐT giao thêm và triển khai vận chuyển đất đá dư thừa ra ngoài phạm vi công trường (phát sinh).

- Các hạng mục thi công xây lắp:

+ Nhà SVG1: Bàn giao phần trong tầng 2; Đang hoàn thiện kết cấu nhỏ lẻ;

+ Nhà SVG2: Hoàn thành phần kết cấu; Hoàn thiện bàn giao tầng; Triển khai xây trát tầng 2 + 3;

+ Bàn giao Nhà lọc bụi 1; nhà lọc bụi 2 trước ngày 20/12/2021;

+ Các hạng mục còn lại thi công đáp ứng theo tiến độ cam kết với CĐT.

3.4 Dự án Nhà máy điện gió Quảng Trị:

Hoàn thành bàn giao 4 dự án Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên và Hoàng Hải.

3.5 Dự án thủy điện Nam Sam 3:

Hoàn thành công tác lắp đặt băng tải, công tác vận hành đảm bảo an toàn và đáp ứng được tiến độ thi công.

3.6 Dự án hồ chứa nước Sông Chò 1 tỉnh Khánh Hòa:

- Công tác thi công đào đắp:

+ Đập dâng vai phải: Thi công đến CĐ +141.2 kết hợp với đào xử lý vai đập.

+ Đập dâng vai trái: Đào xử lý vai đập.

- Công trình phụ trợ: Đưa vào sử dụng trạm trộn, trạm nghiền; hoàn thành bóc phủ mỏ đá CĐ +220.00 và tiến hành khai thác đá kết hợp với bóc phủ tiếp tục tới CĐ +250.00.

PHẦN II
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

I. Các chỉ tiêu chính:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022
A	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	10⁹đ	1.265,00
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10⁹đ	1.265,00
-	Các dự án đã có hợp đồng xây lắp	10 ⁹ đ	695,03
-	Các dự án dự kiến sẽ ký hợp đồng	10 ⁹ đ	569,97
2	Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác	10⁹đ	-
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
I	Doanh số bán hàng (1+2)	10⁹đ	1.087,62
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	1.033,00
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	54,62
II	Lợi nhuận		
1	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	35,00
2	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	28,00
3	Tỷ suất lợi nhuận		
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,39%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	10,77%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,78%
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân	%	2,45%
4	Tỷ lệ lãi cổ tức dự kiến	%	10%
III	Các khoản nộp Nhà nước		
1	Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)	10⁹đ	37,02
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	21,42
-	Thuế GTGT phải nộp	10 ⁹ đ	10,92
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	7,00
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	3,50
-	Thuế khác	10 ⁹ đ	0,003
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,60
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	10 ⁹ đ	15,60
2	Các khoản đã nộp Nhà nước	10⁹đ	37,02
a	Các khoản nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	21,42

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022
-	Thuế GTGT	10 ⁹ đ	10,92
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	7,00
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	3,50
-	Thuế khác	10 ⁹ đ	0,00
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,60
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10 ⁹ đ	15,60
IV	Tiền lương và thu nhập		
1	CBCNV bình quân	người	968,00
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	153,39
3	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ	2,50
4	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,21
5	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,43
V	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ		
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10 ⁹ đ	170,23
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	34,02
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	19,99%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ đ	1.153,92
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	1.134,38
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	65,02
VI	Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ	10⁹đ	480,79
1	Vay ngắn hạn	10 ⁹ đ	450,00
2	Vay trung và dài hạn	10 ⁹ đ	30,79
VII	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10⁹đ	484,78
a	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	259,99
	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ đ	166,82
b	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ đ	143,06
c	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ đ	43,13
d	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 ⁹ đ	
e	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ đ	10,60
f	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁹ đ	28,00
g	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10 ⁹ đ	
VIII	Tổng tài sản cuối kỳ	10⁹đ	1.533,74
IX	Nợ phải trả cuối kỳ	10⁹đ	1.144,07

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022
-	Thuế GTGT	10 ⁹ đ	10,92
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10 ⁹ đ	7,00
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10 ⁹ đ	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10 ⁹ đ	3,50
-	Thuế khác	10 ⁹ đ	0,00
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	15,60
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10 ⁹ đ	15,60
IV	Tiền lương và thu nhập		
1	CBCNV bình quân	người	968,00
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	153,39
3	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ	2,50
4	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,21
5	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ⁶ đ	13,43
V	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ		
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10 ⁹ đ	170,23
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	34,02
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	19,99%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ đ	1.153,92
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	1.134,38
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	65,02
VI	Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ	10⁹đ	480,79
1	Vay ngắn hạn	10 ⁹ đ	450,00
2	Vay trung và dài hạn	10 ⁹ đ	30,79
VII	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10⁹đ	484,78
a	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	259,99
	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ đ	166,82
b	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ đ	143,06
c	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ đ	43,13
d	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 ⁹ đ	
e	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ đ	10,60
f	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁹ đ	28,00
g	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10 ⁹ đ	
VIII	Tổng tài sản cuối kỳ	10⁹đ	1.533,74
IX	Nợ phải trả cuối kỳ	10⁹đ	1.144,07

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	4,40
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,36
X	Đầu tư tài chính cuối kỳ		
C	KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH		
1	Phần đào đắp		
-	Tổng khối lượng đào đất	m3	289.390
-	Tổng khối lượng đào đá	m3	96.313
2	Phần xây lắp		
-	Tổng khối lượng bê tông CVC	m3	68.050
-	Tổng khối lượng cốt thép KC	tấn	396
D	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ		
1	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	10 ⁹ đ	25,00

II. Mục tiêu tiến độ năm 2022:

1. Dự án Thủy điện Nam E-Moun:

* Công tác thiết kế: Phê duyệt bản vẽ thiết kế chi tiết, shop, hoàn công tổng thể dự án.

* Thi công công trình chính:

- Hoàn thành toàn bộ các hạng mục Đập chính và đập chuyển dòng quý I/2022.

- Nhà máy:

+ Phạm vi tổ máy: Hoàn thành bê tông giai đoạn 2 tổ máy quý I/2022.

+ Hoàn thành bê tông các hạng mục kênh xả, hành lang cáp, nhà điều khiển, tường chắn quý I/2022 và kiến trúc, cảnh quan nhà máy quý II/2022.

- Đường ống áp lực TB1: Hoàn thành các hạng mục chính tháng 5/2022.

- Hệ thống cấp quang: Hoàn thành hệ thống quý I/2022.

- Hạng mục hầm hở: Hoàn thành lắp đặt cầu thép, đường ống hở và đắp trả tháng 5/2022 cho tuyến hầm hở của Adit 1, 2, 3.

- Phần hầm:

+ Tuyến hầm T1,T2,T3: Hoàn thành công tác đổ bê tông nền, nút hầm phụ quý I/2022.

+ Tuyến hầm T4: Hoàn thiện công tác bê tông hầm, bê tông chèn đường ống quý I/2022.

- Giếng bậc thang (Đập chính):

+ Hoàn thành bê tông và lắp đặt đoạn ống chuyển tiếp, ống thông hơi tháng 5/2022.

- Tháp điều áp:

+ Hoàn thành bê tông phần kết cấu phía trên quý I/2022.

* Phần cơ khí thủy công: Nghiệm thu, vận hành toàn bộ hệ thống cơ khí thủy công quý II/2022.

2. Dự án Nhà máy thép Hòa Phát (giai đoạn 2):

- Các hạng mục thi công đào đắp, vận chuyển (khu đồi Đông Lỗ, khu Hành chính): Hoàn thành hợp đồng và bàn giao cho CĐT theo đúng tiến độ.

- Các hạng mục thi công xây lắp: Quyết toán một số gói thầu đã hoàn thành trong năm 2021 các gói thầu còn lại thi công đảm bảo tiến độ cam kết với CĐT và bàn giao trong quý I năm 2022. Tiếp tục tiếp cận với CĐT để tham gia thi công xây dựng các gói thầu tiếp theo.

3. Dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1 - Khánh Hòa:

* *Công trình phụ trợ:* Tiến hành khai thác đá kết hợp với bóc phủ; hoàn thiện đường thi công; Đào kênh dẫn kết hợp gia cố.

* *Hạng mục thi công chính:*

- Đập dâng vai phải: Đào hố móng và gia cố mái đến cao độ thiết kế, khoan phun gia cố; chống thấm; đổ bê tông vai phải, cống dẫn dòng.

- Đập dâng vai trái: Khoan phun gia cố, chống thấm; Đổ bê tông; gia cố mái và mở rộng lòng sông, triển khai công tác dẫn dòng.

- Đập tràn: Đào đất đá; khoan phun gia cố và đổ bê tông đập tràn giai đoạn I.

4. Dự án nhà máy Điện gió - Quảng trị:

Hoàn thành quyết toán công trình 4 dự án Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên và Hoàng Hải.

III. Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

1. Kế hoạch tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm năm 2022:

Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm, đặc biệt chú trọng đến các lĩnh vực như (Năng lượng thủy điện, điện gió; xây dựng các khu công nghiệp và các đặc khu kinh tế) với mục tiêu kế hoạch sản lượng cho các năm tiếp theo. Giải pháp cụ thể như sau:

* *Đối với thị trường trong nước:* Thường xuyên cập nhật thông tin các dự án đang theo đuổi, đặc biệt là Dự án thép Hòa Phát giai đoạn 2; thực hiện các giải pháp để thắng thầu, tận dụng và phát huy uy tín của Sông Đà 5 để tìm kiếm việc làm cho năm 2022 và các năm tiếp theo.

* *Đối với thị trường Quốc tế:*

- *Thị Trường Lào:* Thực hiện thu thập, nghiên cứu thông tin thị trường xây dựng thủy điện tại Lào; Tiếp cận CĐT truyền thống và tiềm năng để tìm kiếm dự án mới, đặc biệt là Dự án thủy điện Nam Phak.

- *Thị trường các quốc gia khu vực Đông Nam á (Indonesia, Malaysia...):* Tiếp tục cập nhật thông tin dự án, liên danh liên kết với các nhà thầu quốc tế (Obayashi, SK, Sam Sung, Hyundai...) để đấu thầu tìm kiếm việc làm các dự án phù hợp với năng lực của đơn vị.

2. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

- Tiếp tục hoàn thiện, đánh giá những tồn tại của mô hình quản lý dự án đơn vị đang áp dụng để có những giải pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

- Ban hành kịp thời, đầy đủ các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản lý thực tế và thay đổi của Pháp luật.

- Đào tạo, quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án để nâng cao năng lực quản lý và điều hành các dự án mới khi được triển khai.

3. Công tác thu hồi giá trị dở dang và công nợ:

Thực hiện các giải pháp đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán để thu hồi vốn, giảm thiểu giá trị dở dang. Cụ thể:

- *Đối với các dự án đã kết thúc thi công:* Tập trung nguồn lực làm việc với Chủ đầu tư để quyết toán các hạng mục hoàn thành.

- *Đối với các dự án đang thi công:* Tập trung nhân lực, rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn dứt điểm đối với phần khối lượng dở dang.

- *Kế hoạch thu vốn năm 2022 là 1.033 tỷ đồng, Trong đó:*

- | | |
|-------------------------------------|----------------|
| + Công trình đang thi công | : 782 tỷ đồng. |
| + Công trình đã kết thúc thi công | : 1 tỷ đồng. |
| + Các dự án trong kế hoạch tiếp thị | : 250 tỷ đồng. |

- *Kế hoạch thu hồi công nợ năm 2022 là 1.048 tỷ đồng. Trong đó*

- | | |
|-------------------------------------|----------------|
| + Công trình đang thi công | : 867 tỷ đồng. |
| + Công trình đã kết thúc thi công | : 8 tỷ đồng. |
| + Các dự án trong kế hoạch tiếp thị | : 173 tỷ đồng. |

4. Công tác quản lý chi phí:

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định trong công tác giao khoán, quản lý chi phí phù hợp với mô hình quản lý dự án và yêu cầu thực tế tại đơn vị; Ban hành bổ sung kịp thời các bộ định mức, đơn giá giao khoán đối với các công việc phát sinh.

- Phối hợp với công tác quản lý vật tư, thiết bị tìm kiếm cập nhật các nhà cung cấp để báo giá cạnh tranh nhất.

- Thực hiện kịp thời công tác quyết toán nhân công, vật tư, nhiên liệu.

- Tìm kiếm các đối tác cho thuê các thiết bị máy móc chưa có nhu cầu sử dụng để bù đắp lại chi phí khấu hao.

- Thành lập các tổ công tác kiểm tra, hướng dẫn các công trường dự án trong công tác quản lý vật tư xe máy thiết bị, hạch toán chi phí và thực hiện quy chế quản lý nội bộ.

- Tiếp tục công tác phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ (quý, năm) và khi kết thúc dự án; công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định giao khoán, quyết toán giao khoán nhằm khắc phục những tồn tại trong quản lý.

5. Công tác tài chính kế toán:

- Tiếp tục thực hiện cân đối, thu xếp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022. Mở rộng và xây dựng mối quan hệ với các Tổ chức tín dụng mới để đảm bảo đa dạng về nguồn vốn với chi phí vay thấp.

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho từng dự án để đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Thực hiện tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác.

- Tham gia vào công tác thẩm định năng lực tài chính của Chủ đầu tư các dự án Công ty tham gia đấu thầu để đảm bảo nguồn vốn thanh toán của Dự án khi thi công.

- Tập trung thu hồi vốn và công nợ các công trình, đồng thời đơn đốc thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân đã đến hạn. Xây dựng kế hoạch và biện pháp để thu hồi công nợ khó đòi, kéo dài đã nhiều năm.

- Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm toán, công bố thông tin đại chúng.

- Tăng cường việc hỗ trợ công tác hạch toán kế toán tại các công trình dự án.

6. Công tác quản lý khối lượng, tiến độ, an toàn:

- Tăng cường công tác quản lý khối lượng, tiến độ, đặc biệt công tác nghiệm thu, thu vốn tại các dự án.

- Phê duyệt kịp thời yêu cầu vật tư chính cho các dự án đảm bảo tiến độ thi công.

- Thiết kế và phê duyệt kịp thời biện pháp thi công chủ đạo làm cơ sở cho các công trường dự án triển khai thi công.

- Triển khai tổ chức thi công đảm bảo mục tiêu khối lượng, tiến độ của hợp đồng.

- Tăng cường công tác giám sát an toàn, tổ chức huấn luyện an toàn thường xuyên cho người lao động nhằm giảm thiểu tối đa mất an toàn có thể xảy ra.

- Xây dựng củng cố đội ngũ quản lý an toàn đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

7. Công tác quản lý sử dụng vật tư, thiết bị:

- Xây dựng kế hoạch mua sắm và sử dụng vật tư đảm bảo cung cấp kịp thời, sử dụng tiết kiệm hiệu quả các loại vật tư; đồng thời xây dựng các kịch bản dự phòng vật tư thiết bị đảm bảo kịp thời ứng phó với tình hình cung ứng vật tư tại thị trường trong nước và toàn cầu có thể bị ảnh hưởng bởi sự biến đổi không lường trước được của đại dịch covid.

- Cân đối đảm bảo xe máy thiết bị đáp ứng yêu cầu cho các dự án; thực hiện đấu thầu chào giá cạnh tranh lựa chọn nhà cung cấp cho thuê thiết bị.

- Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhằm đảm bảo công suất làm việc và nâng cao hiệu quả sử dụng xe máy thiết bị.

8. Công tác quản lý nhân lực:

- Cân đối nhu cầu nhân lực hiện có tại các công trường để thực hiện các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu lao động đối với từng công trình, dự án.

- Liên hệ làm việc với các trường dạy nghề, các Trung tâm giới thiệu việc làm để ký kết các hợp đồng đào tạo, tuyển dụng đảm bảo cung cấp lao động trực tiếp cho các dự án.

- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án, kỹ sư trực tiếp theo mô hình quản lý dự án của công ty cũng như yêu cầu thực tế của công việc (Đặc biệt đối với lĩnh vực xây dựng công trình hầm; dân dụng và xây dựng giao thông).

- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống và thích ứng an toàn với dịch bệnh covid đảm bảo duy trì số lượng lao động tại các Dự án; Đồng thời xây dựng phương án bổ sung nhân lực dự phòng trong trường hợp ảnh hưởng bởi đại dịch covid (gồm tăng cường nguồn nhân lực địa phương tại các dự án tại nước ngoài).

9. Công tác quản trị rủi ro:

- Ban hành các quy trình kiểm soát rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Định kỳ hàng quý thành lập đoàn kiểm tra nội bộ làm việc tại các dự án để phân tích đánh giá, đưa ra những cảnh báo về những nguy cơ, rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các giải pháp để kiểm soát rủi ro.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Sông Đà 5. Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Đại hội Đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty (Đề b/c);
- Ban kiểm soát Công ty (Đề b/c);
- Lưu VP, KHCL.



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Đắc Điệp